

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của UBND xã)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	Tổng chi	4,900,917,889		4,757,917,889	4,954,033,154	-	4,535,116,631	101.08		95.32
	Trong đó									
1	Chi công tác dân quân, trật tự ATXH	455,441,702		455,441,702	455,441,699	-	455,441,699	100.00		100.00
	- Chi công tác quốc phòng	347,133,702		347,133,702	347,133,699		347,133,699	100.00		100.00
	- Chi ANTT	108,308,000		108,308,000	108,308,000		108,308,000	100.00		100.00
2	Chi giáo dục	25,000,000		25,000,000	24,991,300		24,991,300	99.97		99.97
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4	Chi y tế									
5	Chi văn hóa, thông tin	81,350,000		81,350,000	81,350,000		81,350,000	100.00		100.00
6	Chi phát thanh, truyền hình						-			
7	Chi thể dục, thể thao						-			
8	Chi bảo vệ môi trường	170,626,000		170,626,000	170,626,000		170,626,000	100.00		100.00
9	Chi các hoạt động kinh tế	214,000,000		214,000,000	65,300,000		65,300,000			
	- Giao thông	6,000,000		6,000,000	6,000,000		6,000,000			
	- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản			-			-			
	- Điện chiếu sáng nội bản đô thị	32,000,000		32,000,000	15,300,000		15,300,000			
	- Thương mại, du lịch				-		-			
	- Các hoạt động kinh tế khác	176,000,000		176,000,000	44,000,000		44,000,000			
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3,519,439,237		3,519,439,237	3,404,313,232		3,404,313,232	96.73		96.73

-	Hội đồng nhân dân	330,900,113		330,900,113	330,900,113		330,900,113	100.00		100.00
-	Ủy ban nhân dân	1,583,975,462		1,583,975,462	1,470,979,035		1,470,979,035	92.87		92.87
-	Đảng Cộng sản Việt Nam	698,362,230		698,362,230	697,990,230		697,990,230	99.95		99.95
-	Mặt trận Tổ quốc	278,873,154		278,873,154	278,873,754		278,873,754	100.00		100.00
-	Đoàn TNCS HCM	130,600,978		130,600,978	130,600,978		130,600,978	100.00		100.00
-	Hội LHPN	128,788,500		128,788,500	128,788,500		128,788,500	100.00		100.00
-	Hội Cựu Chiến binh	143,957,098		143,957,098	142,216,420		142,216,420	98.79		98.79
-	Hội Nông dân	158,748,102		158,748,102	158,748,102		158,748,102	100.00		100.00
-	Hội Người cao tuổi	38,178,000		38,178,000	38,178,000		38,178,000	100.00		100.00
-	Hội Chữ thập đỏ	27,055,600		27,055,600	27,038,100		27,038,100	99.94		99.94
11	Chi Công tác xã hội	292,060,950		292,060,950	231,235,500		231,235,500	79.17		79.17
12	Tiết kiệm chi	60,000,000			60,000,000		60,000,000			
13	Dự phòng	83,000,000			41,858,900		41,858,900			
14	Chi chuyển nguồn sang NS năm sau				378,301,793					
15	Chi nộp ngân sách cấp trên				40,614,730					